

# TƯ DUY LÝ LUẬN VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

VŨ CÔNG GIAO\* - CÀM THỊ LAI\*\*

*Tư duy lý luận về phòng, chống tham nhũng đã sớm hình thành ở Việt Nam; liên tục được phát triển, hoàn thiện dần qua các thời kỳ. Trong giai đoạn hiện nay, thực tiễn đang đặt ra một số yêu cầu mới cho tư duy lý luận về phòng, chống tham nhũng, đặc biệt là về tính toàn diện trong cách tiếp cận và tính đột phá trong chiến lược, giải pháp; đòi hỏi cần sớm được củng cố để làm cơ sở cho việc hoàn thiện khung chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.*

## **Thành tựu và tác động của tư duy lý luận về phòng, chống tham nhũng ở nước ta trong thời gian qua**

Xét về mặt lịch sử, những vấn đề lý luận về phòng, chống tham nhũng (PCTN) đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập từ rất sớm (Người thường dùng khái niệm tham ô - một biểu hiện của tham nhũng) và đã được chuyển hóa vào trong pháp luật nước ta ngay sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên đến những năm trước đổi mới, nhận thức về tham nhũng ở Việt Nam cơ bản chỉ giới hạn trong những hiểu biết về tham ô (và vấn đề liên quan là quan liêu).

Kể từ thực hiện công cuộc đổi mới (năm 1986), trước sự gia tăng của tham nhũng, Đảng và Nhà nước càng quan tâm hơn đến vấn đề PCTN. Công tác nghiên cứu lý luận về PCTN đã có những chuyển biến vượt bậc, đạt được nhiều kết quả to lớn. Hầu như tất cả các khía cạnh lý luận về tham nhũng,

như nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, nguyên nhân, hậu quả và các chiến lược, giải pháp phòng, chống tham nhũng... đều đã được nghiên cứu và xác định rõ. Điều này thể hiện qua một loạt các văn kiện của Đảng được thông qua kể từ Đại hội VI đến nay, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa X (năm 2006), “*Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí*”.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa X đã xác định cụ thể các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo công tác PCTN của Đảng: *Về mục tiêu*, đó là: “Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân”; *về chiến lược*, kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, trong đó: “Vừa tích cực, chủ

\* PGS, TS, Đại học Quốc gia Hà Nội

\*\* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

động phòng ngừa, vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, trong đó phòng ngừa là chính” và “phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài; phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực và có trọng tâm, trọng điểm”. Nghị quyết cũng xác định rõ vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN là: “Lãnh đạo chặt chẽ, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức hành chính, kinh tế, hình sự”; “gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy dân chủ, thực hành tiết kiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, chống quan liêu”; “kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chú trọng tổng kết thực tiễn và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài”.

Những nội dung của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa X tiếp tục được cụ thể hóa và phát triển trong một số văn kiện khác của Đảng, trong đó bao gồm Văn kiện Đại hội XII của Đảng, Kết luận số 10-KL/TW, ngày 26-12-2016, của Bộ Chính trị, “Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”. Đặc biệt, trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, tư duy lý luận về PCTN có bước phát triển mạnh mẽ.

Bên cạnh việc củng cố những chính sách đúng đắn nhằm tiếp tục “bịt” những kẽ hở để không thể tham nhũng<sup>(1)</sup>, Đại hội XIII của Đảng đã mở rộng cách tiếp cận về phòng, chống tham nhũng khi bổ sung vấn đề “không muốn tham nhũng” thành “bốn không” (ngoài “ba không” như cách tiếp cận trước đây gồm “không thể”, “không dám” và “không cần” tham nhũng)<sup>(2)</sup>. Việc bổ sung

“không muốn tham nhũng” sẽ tạo cơ sở thúc đẩy giáo dục đạo đức, liêm chính trong xã hội, trước hết trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức - điều mà Đảng, Nhà nước đang thực hiện nhưng hiệu quả hạn chế.

Xét tổng quát, sự thay đổi lớn nhất trong tư duy lý luận về PCTN kể từ đổi mới đến nay thể hiện ở nhận thức về bản chất của tham nhũng - nội dung quyết định phương hướng PCTN. Trong thời kỳ bao cấp, nhận thức về bản chất của tham nhũng còn thiếu rõ ràng và có phần phiến diện, thậm chí xem tham nhũng như là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản, dẫn tới không đánh giá được đầy đủ những rủi ro tham nhũng và không chú ý đúng mức đến vấn đề PCTN trong hệ thống chính trị. Tuy nhiên, kể từ đổi mới, nhận thức đó đã dần dần được khắc phục. Sự tha hóa của quyền lực chính trị/quyền lực nhà nước mà hậu quả của nó là nạn quan liêu, tham nhũng trước đây ít được thừa nhận, thì nay được xem như là một hiện tượng tất yếu, mang tính phổ quát, diễn ra ở mọi chế độ, không phân biệt phong kiến, tư bản hay xã hội chủ nghĩa. Không chỉ vậy, rủi ro tham nhũng trong hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước ta còn được phân tích từ góc độ tính đặc thù của chế độ chính trị, để từ đó chỉ ra những yêu cầu đặc thù cần đáp ứng nhằm bảo đảm tính hiệu quả của cuộc chiến chống tham nhũng.

(1) Tùng Hoa: “Đại hội XIII của Đảng: “Bịt” những kẽ hở để không thể tham nhũng”, <https://daihoidang.vn/dai-hoi-xiii-cua-dang-bit-nhung-ke-ho-de-khong-the-tham-nhung/1573.vnp>

(2) Thu Hằng - Trần Thường: ““Không muốn tham nhũng” là một điểm nhấn trong dự thảo văn kiện Đại hội XIII”, báo điện tử VietnamNet, ngày 19-1-2021, <https://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/chinh-tri/khong-muon-tham-nhung-la-diem-nhan-trong-van-kien-trinh-dai-hoi-xiii-706395.html>

Gắn liền với sự phát triển của tư duy lý luận, hệ thống pháp luật về PCTN ở nước ta đã được củng cố một cách toàn diện kể từ sau thực hiện công cuộc đổi mới. Từ chỗ chỉ có một số văn bản pháp luật đề cập đến phòng, chống tham ô và quan liêu, lãng phí, đến nay nhiều văn bản pháp luật về PCTN đã được ban hành và liên tục được sửa đổi, hoàn thiện<sup>(3)</sup>.

Về mặt nội dung, hệ thống chính sách, pháp luật về PCTN ở nước ta từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay cũng chuyển đổi từ việc chú trọng các biện pháp phát hiện, xử lý vi phạm (chú trọng “chống”) sang cân bằng giữa “phòng” (ngăn ngừa vi phạm xảy ra) và “chống”, đề cao các biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Nội dung của chính sách, pháp luật về PCTN ngày càng được mở rộng, bao trùm và gắn kết với các vấn đề liên quan, như kiểm soát quyền lực, kiểm soát tài sản, thu nhập, cải cách hành chính, nâng cao đời sống và giáo dục liêm chính cho đội ngũ cán bộ, công chức, thúc đẩy quản trị quốc gia tốt (good governance - hay quản trị nhà nước tốt), nhằm thực hiện chiến lược bốn không: Không thể tham nhũng, không dám tham nhũng, không cần tham nhũng và không muốn tham nhũng. Đây cũng là những cách tiếp cận phù hợp với xu thế và kinh nghiệm quốc tế, thể hiện qua Công ước chống tham nhũng của Liên hợp quốc và nhiều khuyến nghị, hướng dẫn của các tổ chức quốc tế và khu vực.

Những nỗ lực nêu trên đã tạo ra những thành công đáng khích lệ trong PCTN ở nước ta. Đến nay, công tác PCTN được tiến hành ngày một chủ động hơn; mở rộng trên mọi lĩnh vực, chú trọng những lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng; không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Công tác PCTN được đánh giá là một trong những lĩnh vực

thành công nổi bật trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng, “Công tác kiểm tra, giám sát và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai quyết liệt, bài bản, đi vào chiều sâu, có bước đột phá và đạt những kết quả cụ thể, rõ rệt. Nhiều vụ án kinh tế, tham nhũng được phát hiện, điều tra, khởi tố, xét xử nghiêm minh, tạo sức răn đe, cảnh tỉnh, được cán bộ, đảng viên và nhân dân hoan nghênh, đánh giá cao và đồng tình ủng hộ. Tình trạng tham nhũng, tiêu cực, suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng và hệ thống chính trị từng bước được kiềm chế, ngăn chặn”<sup>(4)</sup>.

### **Một số hạn chế và vấn đề đặt ra trong phát triển tư duy lý luận về phòng, chống tham nhũng**

Mặc dù đã đạt nhiều thành tựu, song tư duy lý luận về PCTN ở nước ta hiện vẫn chưa hoàn thiện, còn một số hạn chế đặt ra cần giải quyết. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, xét về mặt chiến lược, có sự thiếu cân bằng trong việc thực hiện cách tiếp cận “bốn không” trong PCTN. Điều đó thể hiện ở các chính sách, pháp luật của Nhà nước và những nỗ lực PCTN nói chung ở nước ta hiện nay đang tập trung vào việc thực

(3) Như Pháp lệnh Phòng, chống tham nhũng năm 1998; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi, bổ sung vào các năm 2007, 2012), Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; cùng với các luật này là nhiều nghị định hướng dẫn thi hành. Nhiều đạo luật chuyên ngành khác, như Bộ luật Hình sự, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Tiếp cận thông tin... cũng được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung những quy định về PCTN. Tất cả tạo thành một hệ thống pháp luật đồng bộ trong lĩnh vực này

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 21 - 22



hiện hai mục tiêu “Không thể tham nhũng” và “Không dám tham nhũng”, thông qua việc xác lập các biện pháp để giám sát, phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức. Khung chính sách, pháp luật nhằm thực hiện hai mục tiêu này liên tục được củng cố trong những năm gần đây, kết quả là nhiều vụ tham nhũng lớn với những quan chức cấp cao bị đưa ra ánh sáng và bị xét xử.

Tuy nhiên, các mục tiêu về “Không cần tham nhũng” và “Không muốn tham nhũng” còn chưa được chú ý đúng mức. Đơn cử là việc cải cách tiền lương và các biện pháp để cải thiện đời sống của cán bộ, công chức chưa đạt được kết quả mong muốn, chưa có tác dụng đáng kể với mục tiêu làm giảm động cơ tham nhũng. Ở góc độ khác, giáo dục liêm chính, đạo đức công vụ và PCTN vẫn còn mang nặng tính hình thức, chưa thể hiện tác động đáng kể, rõ ràng đến việc kiềm chế hành vi tham nhũng của đội ngũ cán bộ, công chức.

Sự thiếu cân bằng về chiến lược PCTN thể hiện tư duy lý luận về vấn đề này chưa hoàn thiện. Để PCTN một cách hiệu quả và bền vững thì không thể chỉ dựa vào các biện pháp giám sát, phát hiện, xử lý, mà cần phải thay đổi suy nghĩ và hành vi của đội ngũ cán bộ, công chức.

*Thứ hai*, từ một góc nhìn khác, sự kết nối giữa PCTN với kiểm soát quyền lực và quản trị nhà nước (hay quản trị quốc gia) - hai yếu tố căn cốt làm nền tảng cho PCTN - còn chưa thực sự chặt chẽ. Cả hai vấn đề kiểm soát quyền lực và quản trị nhà nước hiện vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đóng vai trò hỗ trợ đắc lực cho PCTN.

Về kiểm soát quyền lực, Hiến pháp năm 2013 (Điều 2) đã bổ sung quy định về kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp (cơ chế

kiểm soát bên trong). Nhưng đến hiện nay, ngoại trừ cơ chế kiểm soát của Quốc hội với Chính phủ và Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các cơ chế kiểm soát của Chính phủ và Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao với nhau và với Quốc hội còn chưa rõ. Cơ chế kiểm soát bên ngoài, tức là của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, và rộng ra là của nhân dân, với bộ máy nhà nước tuy đã được quy định nhưng hiệu quả chưa cao. Hiện nay, ở Việt Nam đã xây dựng được cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước với nhiều tầng, cấp, góc độ, tuy nhiên vẫn còn thiếu những quy định, biện pháp cụ thể, khiến cho hiệu lực, hiệu quả kiểm soát quyền lực còn hạn chế.

Liên quan đến quản trị nhà nước, theo Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), có 8 nguyên tắc để quản trị nhà nước tốt (*good governance*), bao gồm sự tham gia của người dân (*participatory*), định hướng đồng thuận (*consensus oriented*), trách nhiệm giải trình (*accountable*), sự minh bạch (*transparent*), sự kịp thời (*responsive*), tính hiệu lực (*effective*), tính hiệu quả (*efficient*), tính bình đẳng và không loại trừ chủ thể nào (*equitable and inclusive*) và tính pháp quyền (*the rule of law*). Xét tổng quát, các nguyên tắc này đều đã được quy định trong pháp luật Việt Nam, với những cách thức và mức độ khác nhau. Tuy nhiên, khung pháp luật về những nguyên tắc quản trị nhà nước tốt có liên quan đến PCTN (bao gồm sự tham gia của người dân, trách nhiệm giải trình, sự minh bạch và tính pháp quyền) còn thiếu cụ thể.

(5) Như tham nhũng nhỏ (hay ‘tham nhũng vặt’ - *petty corruption*), tham nhũng lớn (hay tham nhũng chính sách - *grand corruption*), và đặc biệt là hình thức lũng đoạn nhà nước (*state capture*)

Những hạn chế trong kiểm soát quyền lực và quản trị nhà nước phần nào cho thấy tư duy lý luận về PCTN còn thiếu chiều sâu, do chưa chú ý thích đáng đến một số vấn đề nền tảng để PCTN.

*Thứ ba*, khung chính sách, pháp luật về PCTN hiện đã khá toàn diện, song vẫn chưa xác định được những cơ chế, biện pháp đặc thù phù hợp để phòng, chống từng dạng tham nhũng cụ thể<sup>(5)</sup>. Mặc dù có bản chất chung đều là sự lạm dụng quyền lực để thu lợi ích riêng, song mỗi dạng tham nhũng xảy ra trong những bối cảnh và mang những đặc điểm riêng, vì thế ngoài những biện pháp áp dụng chung, cần phải có những biện pháp đặc thù để phòng, chống hiệu quả. Ví dụ, với tham nhũng vặt (dạng tham nhũng xảy ra phổ biến nhất nhưng thường có giá trị nhỏ), cải cách hành chính để giảm thiểu việc tiếp xúc trực tiếp của cán bộ, công chức với người dân và doanh nghiệp trong tiếp cận dịch vụ công cần xem là giải pháp then chốt; trong khi đó, để ngăn ngừa sự lũng đoạn nhà nước (dạng tham nhũng nguy hiểm mà trong đó có sự cấu kết chặt chẽ giữa các quan chức cấp cao và các doanh nghiệp có thế lực lớn để định hướng, “lèo lái” chính sách công theo lợi ích của họ) thì giải pháp quan trọng là quản lý xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ<sup>(6)</sup>.

Hạn chế nêu trên cũng phản ánh sự hạn chế về chiều sâu trong tư duy lý luận về PCTN ở nước ta, thể hiện ở việc nhận thức về tham nhũng và các giải pháp phòng, chống vẫn còn đơn giản, thiếu những định hướng cụ thể, chi tiết.

*Thứ tư*, mặc dù có những cải cách liên tục, song chiến lược, chính sách PCTN ở Việt Nam hiện vẫn chưa tiếp cận và tận dụng đầy đủ những thể chế và công cụ mới mà theo kinh nghiệm của nhiều quốc gia có thể giúp tạo ra những thay đổi lớn trong việc

kiểm chế tham nhũng đó là *quản trị mở, chính phủ mở và công nghệ số*.

Quản trị mở, chính quyền mở là một xu hướng ngày càng phổ biến trên thế giới, phản ánh sự phát triển mang tính quy luật của quản trị nhà nước trong thế kỷ XXI. Với các nguyên tắc nền tảng của nó, quản trị mở, chính quyền mở là mô hình “nói không” với tham nhũng - nơi mà tham nhũng khó có thể phát sinh, tồn tại và phát triển. Vì thế, thực hiện quản trị mở và xây dựng chính quyền mở cũng chính là để PCTN một cách căn cơ, bền vững và hiệu quả<sup>(7)</sup>.

Công nghệ số (*digital technology*) là một trong ba lĩnh vực chính của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cùng với công nghệ sinh học và vật lý). Công nghệ số giúp thay đổi từ mô hình quản trị truyền thống, sử dụng nguồn nhân lực lớn, sang quản trị hiện đại mà mọi vấn đề được xử lý bằng trí thông minh nhân tạo, dựa trên việc áp dụng những công nghệ mới, như dữ liệu lớn (Big Data), in-tơ-nét kết nối vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud). Điều này không chỉ giúp giảm số lượng những thủ phạm tiềm năng của hành vi tham nhũng, mà còn giúp giảm những cơ hội thực hiện hành vi tham nhũng của những người có chức vụ, quyền hạn.

Ở nước ta trong thời gian gần đây, Chính phủ đã rất quyết tâm và nỗ lực trong việc tận

(6) Xem: Vũ Công Giao: “Tham nhũng vặt và phòng, chống tham nhũng vặt”, Tạp chí *Nghiên cứu Lập pháp*, số 14 (414), tháng 7-2020

(7) Quản trị mở (*open governance*) là khái niệm chỉ phương thức quản lý nhà nước mà trong đó đề cao và sử dụng nhiều tiêu chí, công cụ để thực hiện và giám sát tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của bộ máy nhà nước, cũng như để bảo đảm sự tham gia và quyền tiếp cận thông tin của người dân với hoạt động của bộ máy nhà nước. Gắn liền với khái niệm quản trị mở là khái niệm chính phủ mở (hay chính quyền mở - *open government*)

dụng các lợi ích của công nghệ số, bằng cách xây dựng và thực hiện Chiến lược chuyển đổi số quốc gia và chính phủ điện tử, dịch vụ công trực tuyến... Tuy nhiên chuyển đổi số hiện mới chủ yếu được thực hiện trong cải cách hành chính nên chưa khai thác được hết những lợi ích to lớn của công nghệ số trong PCTN. Ví dụ có thể ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào công tác phòng, chống tham nhũng. Cụ thể, thông qua việc sử dụng trí tuệ nhân tạo, có thể giúp giảm thiểu yếu tố con người khỏi tương tác hành chính, từ đó tránh tham nhũng trong bộ máy nhà nước. Không chỉ vậy, việc sử dụng rô-bốt để giám sát hành vi tham nhũng của những người làm việc trong cơ quan công quyền cũng là một giải pháp khả thi và hiệu quả<sup>(8)</sup>.

Việc chưa tiếp cận và tận dụng đầy đủ những thể chế và công cụ mới nêu trên cho thấy tư duy lý luận về PCTN ở nước ta vẫn còn thiếu năng động. Điều này là trở ngại cho việc tạo ra những bước đột phá trong PCTN trong thực tế.

### **Phương hướng hoàn thiện tư duy lý luận phòng, chống tham nhũng giai đoạn hiện nay**

Từ những phân tích trên, có thể thấy sự cần thiết phải tiếp tục củng cố tư duy lý luận để nâng cao tính hiệu quả và bền vững của hoạt động PCTN ở nước ta. Để tiếp tục thực hiện điều này, cần bám sát một số phương hướng sau:

Trước hết, bảo đảm cân bằng trong cách tiếp cận bốn không, chú trọng đúng mức đến các biện pháp để cán bộ, công chức “Không cần tham nhũng” và “Không muốn tham nhũng”. Để thực hiện được mục tiêu này, cần đẩy mạnh cải cách bộ máy nhà nước, áp dụng khoa học - công nghệ vào hoạt động quản lý để tinh giản biên chế, qua đó có

nguồn lực để cải cách tiền lương, nâng cao mức sống của đội ngũ cán bộ, công chức. Bên cạnh đó, cần thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, và nghiên cứu áp dụng các thành tựu khác của công nghệ số vào việc phòng ngừa và phát hiện tham nhũng. Những giải pháp này có thể giúp giảm thiểu tham nhũng một cách trực tiếp và gián tiếp, thông qua việc làm giảm cơ hội và động cơ tham nhũng của đội ngũ cán bộ, công chức.

Cũng liên quan đến mục tiêu trên, cần tăng cường giáo dục đạo đức công vụ và pháp luật PCTN cho cán bộ, công chức, đồng thời đẩy mạnh giáo dục liêm chính trong xã hội. Cần đưa vấn đề liêm chính, đạo đức công vụ và pháp luật PCTN vào trong tất cả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và kiểm soát chặt chẽ việc tổ chức thực hiện. Cũng cần củng cố, tăng cường những nội dung liên quan đến giáo dục liêm chính trong hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng phù hợp với trình độ nhận thức và sự trưởng thành của của học sinh ở từng cấp học. Đồng thời, cần nghiên cứu các giải pháp thúc đẩy văn hóa liêm chính trong xã hội, xem như là cơ sở nền tảng để xóa bỏ tận gốc tệ nạn tham nhũng.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, bao gồm cả cơ chế kiểm soát từ bên trong và cơ chế kiểm soát từ bên ngoài. Đối với cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên trong, cần xác định rõ và củng cố phương thức giám sát của cơ quan hành

(8) Xem: Lê Hoàng Anh Tuấn: “Áp dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác phòng, chống tham nhũng toàn cầu”, Tạp chí *Tổ chức Nhà nước*, [https://tcnn.vn/news/detail/40916/Ap\\_dung\\_tri\\_tue\\_nhan\\_tao\\_trong\\_cong\\_tac\\_phong\\_chong\\_tham\\_nhung\\_toan\\_cauall.html](https://tcnn.vn/news/detail/40916/Ap_dung_tri_tue_nhan_tao_trong_cong_tac_phong_chong_tham_nhung_toan_cauall.html), ngày 30-8-2018



pháp và cơ quan tư pháp với cơ quan lập pháp, cũng như phương thức giám sát giữa cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp; đồng thời, thành lập thêm các thiết chế giám sát cả ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, cụ thể như cơ quan bảo hiến (theo Điều 109 Hiến pháp năm 2013), cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng... Đối với cơ chế giám sát quyền lực từ bên ngoài, cần thúc đẩy, tạo điều kiện cho sự tham gia hiệu quả hơn của nhân dân, các tổ chức xã hội và báo chí vào cuộc chiến chống tham nhũng (bên cạnh việc ngăn ngừa những hành động lợi dụng đấu tranh chống tham nhũng để vi phạm pháp luật). Trong vấn đề này, ngoài các biện pháp khác, cần tổ chức thực hiện đầy đủ Luật Tiếp cận thông tin và Luật Tố cáo... Bên cạnh đó, cũng cần sớm xây dựng luật về các tổ chức hội để làm cơ sở pháp lý thuận lợi cho các hoạt động của các hội trong PCTN.

Nghiên cứu, từng bước mở rộng mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền thành xây dựng “xã hội pháp quyền” để tạo cơ sở rộng lớn hơn cho hoạt động PCTN<sup>(9)</sup>. Đồng thời, thúc đẩy thực hiện chủ trương về quản trị quốc gia hiệu quả - điều lần đầu tiên được đề cập cụ thể và nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Việc thực hiện các chủ trương này đòi hỏi hiện thực hóa các nguyên tắc làm nền tảng cho PCTN, như pháp quyền, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân; đồng thời, phải gắn kết chặt chẽ giữa việc thực hiện các nguyên tắc của quản trị quốc gia tốt và PCTN, xem kết quả của PCTN là một trong những tiêu chí cơ bản để đánh giá mức độ thành công của việc thực hiện quản trị quốc gia tốt.

Nghiên cứu hoàn thiện tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, và rộng hơn

là cả hệ thống chính trị, vận dụng sáng tạo mô hình thể chế mới - quản trị mở và chính quyền mở. Nghiên cứu tham gia Sáng kiến Đối tác Chính phủ mở (OGP) để tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế trong việc hiện thực hóa mô hình quản trị mở/chính quyền mở. Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, áp dụng khoa học - công nghệ vào hoạt động quản lý để tinh giản biên chế, tạo nguồn lực cải cách tiền lương, nâng cao mức sống của đội ngũ cán bộ, công chức, qua đó giảm thiểu tham nhũng một cách trực tiếp và gián tiếp (thông qua việc làm giảm động cơ tham nhũng). Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, và nghiên cứu áp dụng các thành tựu khác của công nghệ số vào việc phòng ngừa và phát hiện tham nhũng.

Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện khung chính sách, pháp luật về PCTN bao hàm những chiến lược và biện pháp phòng, chống phù hợp với từng dạng tham nhũng cụ thể, đặc biệt là chống lũng đoạn nhà nước và chủ nghĩa tư bản thân hữu. Triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống tất cả các dạng tham nhũng, kết hợp ưu tiên phòng, chống những dạng tham nhũng nhất định trong từng thời kỳ theo đòi hỏi của tình hình thực tế. □

(9) Khái niệm “nhà nước pháp quyền” ở Việt Nam hiện nay được xem là xuất phát từ khái niệm “the rule of law” trong tiếng Anh. Tuy nhiên, thực chất “the rule of law” có nội hàm rộng hơn, có ý nghĩa như là một “xã hội pháp quyền” chứ không chỉ là “nhà nước pháp quyền”. Việc xây dựng xã hội pháp quyền (trong đó bao gồm nhà nước), với ý nghĩa là xã hội thượng tôn pháp luật, có tác dụng lớn hơn trong PCTN so với chỉ xây dựng “nhà nước pháp quyền”, với ý nghĩa là chỉ ràng buộc bộ máy nhà nước vào việc tuân thủ pháp luật. Xem: Vũ Công Giao - Nguyễn Minh Tâm: “Pháp quyền trong mối quan hệ với quyền làm chủ của Nhân dân ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Nghiên cứu Lập pháp*, số 02+03 (402+403), 2020